

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: **127/2022/DS-PT**

Ngày 21 - 7 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài
sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Lương Thị Hương -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm
2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2022/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 của
Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2022/QĐPT-DS ngày
27 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thái S, sinh năm 1978 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: số 2, dãy 5, tổ 10, khóm Đ T, phường Đ X, thành phố L X, tỉnh
AG.

2. Bị đơn: Bà Lê Võ Hạnh K (Lê Võ Hạnh K), sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số 535/15, tổ 15, ấp Bình Hưng 1, xã BM, huyện CP, tỉnh AG.

3. Người kháng cáo: Bà Lê Võ Hạnh K (Lê Võ Hạnh K) là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thái S trình bày:

Trước đây bà và bà Lê Võ Hạnh K (Lê Võ Hạnh K) có quen biết với nhau nên bà có cho bà K vay tiền nhiều lần, những lần vay trước đã thanh toán xong, hiện bà K còn nợ lại của bà 02 khoản vay như sau:

- Vào ngày 01/12/2016, bà K vay số tiền 50.000.000 đồng, khi vay có làm Biên nhận nợ ngày 01/12/2016 do bà K tự viết và ký tên. Hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 1,5%/tháng, mục đích vay bà K nói để xoay xở vốn làm ăn kinh doanh. Từ khi vay, bà K đóng lãi đầy đủ hàng tháng, khi đến hạn trả nợ bà K gặp khó khăn nên xin hên lại thời gian trả nợ và đề nghị được đóng lãi tiếp tục hàng tháng. Đến ngày 01/02/2020 bà K ngưng đóng lãi đến nay và chưa trả vốn.

- Đến ngày 01/3/2019, bà K hỏi vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng, bà K có làm Biên nhận nợ ngày 01/3/2019 do bà tự viết và ký tên. Mục đích vay bà K nói mượn để đặt cọc mua đất, hên 02 tháng sau bán được đất sẽ trả đủ cả hai khoản vay. Lần vay này cũng thỏa thuận miệng lãi suất 1,5%/tháng, bà K đóng lãi đầy đủ hàng tháng đến ngày 01/02/2020 thì ngưng đóng lãi đến nay và chưa trả vốn.

Từ khi ngưng đóng lãi đến nay đã nhiều lần bà S nhắc nhở, liên lạc với bà K yêu cầu trả nợ nhưng bà K vẫn lẩn tránh, không liên lạc được và không trả nợ. Nay bà S khởi kiện yêu cầu bà K trả một lần tổng số tiền nợ gốc cho 02 khoản vay là 70.000.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định của pháp luật cho từng khoản vay kể từ ngày 01/02/2020 cho đến khi trả hết số nợ.

Tại phiên tòa, bà S yêu cầu bà K trả số tiền 70.000.000 đồng và lãi suất cho hai khoản vay ngày 01/12/2016 và ngày 01/03/2019 theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/02/2020 cho đến khi trả hết số nợ. Bà đồng ý điều chỉnh lại phần tiền lãi mà bà K đã đóng cho bà với mức lãi suất 1,5%/tháng theo quy định của pháp luật kể từ khi vay đến ngày 01/02/2020 để khấu trừ vào tiền lãi đã đóng trước đây, trường hợp sau khi điều chỉnh lại còn dư, bà đồng ý tiếp tục khấu trừ vào tiền nợ gốc. Từ khi cho bà K vay, bà chỉ nhận lãi suất 1,5%/tháng mà không nhận khoản tiền lãi nào theo mức lãi suất 3%/tháng như bà K trình bày. Bà không đồng ý việc bà K xin trả dần số nợ, yêu cầu trả một lần số nợ vì đã quá lâu.

Bị đơn là bà Lê Võ Hạnh K (Lê Võ Hạnh K) trình bày:

Bà và bà S là bạn bè quen biết nhau đã lâu, từ trước đến nay bà có hỏi mượn tiền bà S rất nhiều lần, những khoản vay khác bà đã trả đủ. Riêng về khoản vay ngày 01/12/2016 vay số tiền 50.000.000 đồng và ngày 01/3/2019 vay số tiền 20.000.000 đồng bà thừa nhận có vay, có làm biên nhận nợ và ký tên như bà S trình bày. Tổng cộng số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng đến nay chưa trả. Về thời hạn vay và mục đích vay bà đều thống nhất với ý kiến của bà S và thống nhất có đóng lãi đầy đủ hàng tháng của hai khoản vay cho bà S kể từ khi vay cho đến ngày 01/02/2020 thì ngưng đóng lãi do ảnh hưởng dịch bệnh, hoàn cảnh khó khăn không làm ra tiền.

Nay bà S khởi kiện, bà đồng ý trả 02 khoản nợ tổng cộng 70.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với 02 khoản nợ trên cho bà S kể từ ngày 01/02/2020 theo yêu cầu của bà S.

Tuy nhiên, về phần tiền lãi đã đóng cho 02 khoản vay theo thỏa thuận trước đây bà S đều cho vay với mức lãi suất 6%/tháng, sau đó giảm dần 02 khoản vay này, bà S giảm lãi suất còn 3% tháng. Kể từ ngày vay (đối với từng khoản) đến ngày 01/5/2019 bà đã đóng lãi cho bà S với mức lãi suất 3%/tháng. Từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/02/2020 do khó khăn nên bà năn nỉ bà S cho đóng lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng. Khi đóng lãi, chủ yếu bà đóng tiền mặt cho bà S, có một số lần bà nhờ dịch vụ chuyển tiền qua bưu điện, thế giới di động để đóng lãi cho bà S nhưng hiện các biên nhận đã thất lạc hoặc phai mờ chữ nên bà không cung cấp cho Tòa án được.

Về mức lãi suất, khi vay hai bên chỉ thỏa thuận miệng, bà K cho rằng khoản tiền lãi đã đóng là cao so với quy định, bà yêu cầu điều chỉnh lại phần tiền lãi đã đóng theo quy định của pháp luật và khấu trừ vào số nợ mà bà S yêu cầu. Cụ thể bà K tính như sau:

- Đối với khoản vay 50.000.000 đồng, bà K đã đóng lãi:

+ Từ ngày 01/12/2016 đến ngày 01/5/2019: tổng cộng 43.500.000 đồng (29 tháng x 1.500.000 đồng/tháng (3%/tháng));

+ Từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/02/2020: tổng cộng 6.750.000 đồng (09 tháng x 750.000 đồng (1,5%/tháng));

Cộng: 43.500.000 đồng + 6.750.000 đồng = 50.250.000 đồng.

Tạm tính lãi theo pháp luật với mức lãi suất 0,9%/tháng x 50.000.000 đồng x 38 tháng = 17.100.000 đồng, sau khi khấu trừ tiền lãi đã đóng thì phần tiền lãi đóng còn dư: 50.250.000 đồng – 17.100.000 đồng = 33.150.000 đồng.

Phần tiền lãi đóng dư này trừ vào vốn gốc: 50.000.000 đồng – 33.150.000 đồng, còn lại vốn là 16.850.000 đồng (1).

- Đối với khoản vay 20.000.000 đồng, bà K đã đóng lãi:

+ Từ ngày 01/4/2019 đến ngày 01/5/2019: 02 tháng x 600.000 đồng/tháng (3%/tháng) = 1.200.000 đồng;

+ Từ ngày 01/6/2019 đến ngày 01/02/2020: 09 tháng x 300.000 đồng (1,5%/tháng) = 2.700.000 đồng.

Cộng lãi 1.200.000 đồng + 2.700.000 đồng = 3.900.000 đồng.

Tạm tính lãi theo pháp luật theo mức lãi suất 0,9%/tháng x 20.000.000 đồng x 11 tháng = 1.980.000 đồng, sau khi khấu trừ tiền lãi đã đóng thì phần tiền lãi đóng còn dư: 3.900.000 đồng – 1.980.000 đồng = 1.920.000 đồng;

Phần tiền lãi đóng dư này trừ vào vốn gốc: 20.000.000 đồng – 1.920.000 đồng, còn lại vốn là 18.080.000 đồng (2).

Tổng cộng số tiền nợ vốn bà K cho rằng còn nợ bà S là (1) + (2) = 34.930.000 đồng và thừa nhận từ ngày 01/02/2020 đến nay chưa đóng lãi, chưa trả vốn.

Về phương thức trả nợ, do hoàn cảnh khó khăn bà K xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ.

Để chứng minh cho việc bà S thu tiền lãi cao, bà K cung cấp cho Tòa án: 02 Bảng tính đóng lãi hàng tháng cho 02 khoản vay do bà K tự viết, giấy ghi tiền lãi đã đóng trong sổ do bà K tự viết (bản photo), Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (bản photo), Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 960/QĐ-CCTHADS ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (bản photo).

Tại phiên tòa, bà K vẫn giữ ý kiến như nội dung vụ án đã nêu, vẫn giữ yêu cầu điều chỉnh phần tiền lãi đã đóng, khấu trừ vào tiền nợ vốn, lãi theo quy định của pháp luật, còn lại bao nhiêu bà đồng ý trả nợ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả dần số nợ theo phương thức trả lãi hàng tháng với mức lãi suất do pháp luật quy định, còn số nợ gốc khi nào bà được thi hành bản án của Tòa án Long Xuyên hoặc khi nào làm được có tiền bà sẽ trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2022/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thái S đối với bị đơn bà Lê Võ Hạnh K (tên thường gọi Lê Võ Hạnh K):

Buộc bà Lê Võ Hạnh K (tên thường gọi Lê Võ Hạnh K) phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thái S số tiền 68.153.500 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Lê Võ Hạnh K (tên thường gọi Lê Võ Hạnh K) phải chịu 3.408.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thái S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thái S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.170.000 đồng mà bà S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0003210 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 4 năm 2022 bà Lê Võ Hạnh K (Lê Võ Hạnh K) nộp Đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần

HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Võ Hạnh K (Lê Võ Hạnh K), giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2022/DS-ST ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Võ Hạnh K (Lê Võ Hạnh K) kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà K theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thái S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn là bà Lê Võ Hạnh K (Lê Võ Hạnh K) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2022/DS-ST ngày 01/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

[3] Về kháng cáo của bà K, xét thấy giữa bà S và bà K thống nhất bà K có vay của bà S tổng số tiền 70.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 01/12/2016 vay số tiền 50.000.000 đồng và Biên nhận ngày 01/3/2019 vay số tiền 20.000.000 đồng, sau khi vay số tiền trên bà K chưa trả nợ gốc. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà S khởi kiện yêu cầu bà K trả vốn, lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Về lãi suất, hai bên thống nhất hợp đồng vay có lãi và bà K đã trả lãi cho bà S đến ngày 01/02/2020 nhưng hai bên có tranh chấp về mức lãi suất. Bà S cho rằng lãi suất 1,5%/tháng, bà K trình bày lãi suất 3%/tháng và bà đã trả lãi đến ngày 01/6/2019 thì bà S giảm lãi suất còn 1,5%/tháng nhưng bà S không thừa nhận nhận lãi suất 3%/tháng. Tại giai đoạn phúc thẩm, bà K cung cấp Bản sao kê tài khoản thể hiện bà K chuyển khoản cho bà S 02 lần vào ngày 07/12/2018 số tiền 1.503.300 đồng và ngày 03/02/2019 số tiền 1.503.300 đồng, tuy nhiên việc chuyển khoản để trả lãi không liên tục hàng tháng và bà S cho rằng bà K chuyển khoản cho bà S 02 tháng một lần theo mức lãi suất 1,5%/tháng. Bà K kháng cáo yêu cầu xem xét điều chỉnh lại lãi suất 3%/tháng tính từ ngày 01/12/2016 đến ngày 01/6/2019 nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần chấp nhận sự thừa nhận của bà S về việc bà K đã trả lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 01/12/2016 đến ngày 01/02/2020 để điều chỉnh lại lãi suất như cấp sơ thẩm đã tuyên và buộc bà K phải trả vốn và lãi cho bà S với số tiền 68.153.500 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm điều chỉnh lại lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm là thấp đã có lợi cho bà K nhưng bà S không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của bà K xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi trả hết số nợ, vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà đang gặp khó khăn không có khả năng để trả. Yêu cầu của bà K không được bà S đồng ý nên không có cơ sở chấp

nhận, nếu kinh tế của bà K thật sự có khó khăn sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

Các phần khác của bản án sơ thẩm các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà K không được chấp nhận nên bà K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308 và Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Võ Hạnh K (Lê Võ Hạnh K). Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2022/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thái S đối với bà Lê Võ Hạnh K (Lê Võ Hạnh K).

Buộc bà Lê Võ Hạnh K (Lê Võ Hạnh K) phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thái S số tiền 68.153.500 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Bà Lê Võ Hạnh K (Lê Võ Hạnh K) phải chịu 3.408.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2 Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thái S số tiền 2.170.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0003210 ngày 15/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Võ Hạnh K (Lê Võ Hạnh K) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003645 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Kể từ ngày 02/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, bà K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- TAND.H.Châu Phú
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà